

STT	Gender	Họ đệm	Tên	Ngày sinh (Date)	Tháng sinh (Month)	Năm sinh (Year)	Số CCCD	Word	Excel	PP	AI	Total	Phiên bản	Ngôn ngữ	Tài khoản Certiport	Ca thi	Phòng thi	Ghi chú mới
1	M	Nguyễn Thành	An	12	3	2012	031210015542	1	1	1		3	2019	TV	N	ca 1: 8h ca 2: 9h30 ca 3: 11h	202-B1	
2	M	Phạm Trường	An	19	3	2005	031205003114	1	1			2	2019	TA	N	ca 2: 9h30 ca 3: 11h	203-B1	
3	M	Trần Duy	An	10	9	2004	031204006522	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	202-B1	
4	F	Đỗ Ngọc Châu	Anh	29	4	2008	031308011963	1	1	1		3	2019	TV	N	ca 1: 8h ca 2: 9h30 ca 3: 11h	202-B1	
5	M	Đỗ Tuấn	Anh	26	7	2003	031203019354	1	1	1		3	2019	TV	N	ca 1: 8h ca 2: 9h30 ca 3: 11h	202-B1	
6	F	Dương Nguyễn Ngọc	Anh	1	4	2005	031305000448	1				1	2019	TV	Y	ca 1: 8h	203-B1	
7	M	Lê Quốc	Anh	26	8	2004	031204002083	1	1			2	2019	TV	Y	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	202-B1	
8	F	Nguyễn Hoàng Châu	Anh	12	3	2005	031305006325	1	1	1		3	2019	TV	N	ca 1: 8h ca 2: 9h30 ca 3: 11h	202-B1	
9	F	Nguyễn Nhật	Anh	3	8	2004	031304006273	1	1			2	2019	TV	Y	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	202-B1	
10	M	Nguyễn Tuấn	Anh	30	10	2004	027204001690	1	1			2	2019	TV	N	17h (25/6 xem ca thi trên citad.vn)		Bổ sung
11	F	Phạm Thị Lan	Anh	22	2	2004	031304003313	1	1			2	2019	TV	N	ca 2: 9h30 ca 3: 11h	203-B1	
12	M	Trần Hải	Anh	28	2	2004	031204015481	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	202-B1	
13	M	Trần Tuấn	Anh	3	3	2000	035200003435	1	1			2	2019	TV	Y	ca 2: 9h30 ca 3: 11h	202-B1	
14	F	Vũ Quỳnh	Anh	6	10	2005	031305014682	1	1			2	2019	TV	N	ca 2: 9h30 ca 3: 11h	203-B1	
15	F	Vũ Thị Phương	Anh	22	10	2004	031304000886	1	1			2	2019	TV	N	17h (25/6 xem ca thi trên citad.vn)		Bổ sung
16	F	Trần Thị Hải	Ánh	12	11	2005	034305004898	1	1			2	365	TA	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	203-B1	
17	F	Nguyễn Thị Hải	Ấu	28	12	2005	031305004469		1	1		2	2019	TV	Y	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	203-B1	
18	M	Nguyễn Công	Chiến	8	1	2003	036203005930	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	202-B1	
19	M	Vũ Đình Minh	Chiến	1	8	2003	031203003058	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	202-B1	
20	M	Đoàn Văn	Chung	29	11	2003	031203012521	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	202-B1	
21	M	Phạm Trí	Chung	28	12	2002	031202005834	1				1	2019	TV	Y	ca 1: 8h	202-B1	
22	M	Đặng Ngọc	Đạt	29	11	2002	038102018123	1	1			2	2019	TV	N	ca 2: 9h30 ca 3: 11h	202-B1	
23	M	Lương Tiến	Đạt	29	12	2005	031205006132	1	1			2	2019	TV	N	ca 2: 9h30 ca 3: 11h	203-B1	
24	M	Phạm Duy	Điện	10	9	2004	031204007494	1	1			2	2019	TV	N	ca 2: 9h30 ca 3: 11h	202-B1	
25	M	Đào Nguyễn	Đồng	16	8	2002	031202007160		1			1	2019	TV	Y	ca 1: 8h	202-B1	
26	M	Phạm Hữu Hoàng	Đức	24	11	2005	031205007647	1	1			2	2019	TV	N	ca 2: 9h30 ca 3: 11h	203-B1	
27	M	Nguyễn Đại	Dũng	22	8	2005	031205005696	1	1			2	2019	TV	N	ca 2: 9h30 ca 3: 11h	203-B1	
28	M	Phạm Anh	Dũng	2	12	2003	010203000066	1				1	2019	TV	Y	ca 1: 8h	203-B1	
29	F	Đỗ Bạch	Dương	21	7	2004	031304007866	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	202-B1	
30	M	Vũ Thái	Dương	2	7	2010	031210013836	1	1	1		3	2019	TV	N	ca 1: 8h ca 2: 9h30 ca 3: 11h	202-B1	
31	F	Nguyễn Huyền	Giang	18	11	2004	031304014279		1			1	2019	TV	Y	ca 1: 8h	203-B1	
32	M	Lê Minh	Hải	14	5	2005	022205000844				1	1		TV	N	ca 1: 8h	203-B1	
33	F	Đào Như	Hảo	27	11	2008	031308011738	1	1	1		3	365	TV	N	ca 1: 8h ca 2: 9h30 ca 3: 11h	202-B1	

STT	Gender	Họ đệm	Tên	Ngày sinh (Date)	Tháng sinh (Month)	Năm sinh (Year)	Số CCCD	Word	Excel	PP	AI	Total	Phiên bản	Ngôn ngữ	Tài khoản Certiport	Ca thi	Phòng thi	Ghi chú mới
34	M	Phạm Hoàng Đình	Hiếu	4	12	2004	031204012926	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	203-B1	
35	M	Phan Đức	Hiếu	21	1	2004	031204006719		1			1	2019	TV	Y	ca 1: 8h	203-B1	
36	M	Vũ Minh	Hiếu	5	4	2002	031202003644	1	1			2	2019	TV	Y	ca 2: 9h30 ca 3: 11h	202-B1	
37	M	Vũ Đức	Hiệu	18	3	2004	036204008793	1	1			2	2019	TV	N	17h (25/6 xem ca thi trên citad.vn)		Bổ sung
38	F	Nguyễn Thị Diệu	Hoa	19	8	2005	031305011705	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	203-B1	
39	M	Nguyễn Văn	Hoàng	4	9	2006	030206010294	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	203-B1	
40	M	Nguyễn Phi	Hùng	2	1	2003	031203000204	1	1			2	2019	TV	Y	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	202-B1	
41	M	Vũ Mạnh	Hùng	23	7	2002	031202007689	1	1			2	2019	TV	Y	ca 2: 9h30 ca 3: 11h	202-B1	
42	M	Vũ Tuấn	Hùng	9	10	2005	031205019121	1	1			2	2019	TV	N	ca 2: 9h30 ca 3: 11h	203-B1	
43	M	Cao Văn	Hưng	8	11	2002	034202002364		1			1	2019	TV	Y	ca 1: 8h	202-B1	
44	M	Đặng Văn	Hưng	6	9	2002	031202001457	1	1			2	2019	TV	N	ca 2: 9h30 ca 3: 11h	202-B1	
45	F	Dương Thu	Hương	13	8	2006	031306000732	1	1	1		3	365	TA	N	ca 1: 8h ca 2: 9h30 ca 3: 11h	202-B1	
46	F	Lại Thu	Hương	9	8	2004	031304001704		1			1	2019	TV	Y	ca 1: 8h	203-B1	
47	F	Ngô Thị Quỳnh	Hương	27	5	2004	036304001298	1	1			2	2019	TV	Y	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	203-B1	
48	F	Phạm Bích	Hường	21	7	1999	031199001635	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	203-B1	
49	M	Nguyễn Đức	Huy	5	8	2002	031202005488	1	1			2	2019	TV	N	ca 2: 9h30 ca 3: 11h	202-B1	
50	F	Lê Thị	Huyền	13	1	1992	022192004509	1	1			2	2019	TV	Y	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	203-B1	
51	F	Nguyễn Ngọc	Huyền	17	3	2004	031304003999	1				1	2019	TV	Y	ca 1: 8h	203-B1	
52	M	Bùi Văn	Khoa	20	10	2002	031202003991	1				1	2019	TV	Y	ca 1: 8h	202-B1	
53	M	Nguyễn Hữu	Khoa	9	1	2001	030201003632		1			1	2019	TV	N	ca 1: 8h	203-B1	
54	M	Đào Trọng	Khôi	19	1	2005	022205000003	1	1			2	2019	TV	N	ca 2: 9h30 ca 3: 11h	203-B1	
55	M	Lại Anh	Khôi	31	1	2007	031207006754	1	1	1		3	2019	TV	N	ca 1: 8h ca 2: 9h30 ca 3: 11h	202-B1	
56	M	Đặng Hoàng	Lâm	17	11	2008	031208015012	1	1	1		3	2019	TV	N	ca 1: 8h ca 2: 9h30 ca 3: 11h	202-B1	
57	M	Nguyễn Tùng	Lâm	30	6	2003	031203006445	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	202-B1	
58	F	Nguyễn Thị Mai	Lan	29	4	2005	030586284292	1	1			2	2019	TV	N	ca 2: 9h30 ca 3: 11h	203-B1	
59	F	Bùi Thị Phương	Linh	31	7	2008	031308002932		1			1	2019	TV	Y	ca 1: 8h	203-B1	
60	F	Nguyễn Mai	Linh	16	1	2004	031304000116	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	202-B1	
61	F	Nguyễn Phương	Linh	9	10	2002	031302006299	1	1			2	2019	TV	N	ca 2: 9h30 ca 3: 11h	202-B1	
62	F	Nguyễn Thị Khánh	Linh	8	6	2005	031305004991		1			1	2019	TV	Y	ca 1: 8h	203-B1	
63	M	Nguyễn Văn	Linh	18	12	2003	034203008909	1	1			2	2019	TV	N	ca 2: 9h30 ca 3: 11h	202-B1	
64	F	Tống Diệu	Linh	29	9	2005	031305004225	1	1			2	2019	TV	N	ca 2: 9h30 ca 3: 11h	203-B1	
65	F	Vũ Thủy	Linh	26	8	2005	031305005464	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	203-B1	
66	F	Đỗ Thị	Loan	20	10	1991	036191013299	1				1	2019	TV	Y	ca 1: 8h	203-B1	
67	M	Lương Văn	Long	17	1	2002	031202002945	1	1			2	2019	TV	N	ca 2: 9h30 ca 3: 11h	202-B1	
68	M	Phạm Doãn Thành	Luân	16	9	2004	031204003928	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	202-B1	
69	F	Bùi Diệu	Ly	28	10	2004	031304001611	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	202-B1	

STT	Gender	Họ đệm	Tên	Ngày sinh (Date)	Tháng sinh (Month)	Năm sinh (Year)	Số CCCD	Word	Excel	PP	AI	Total	Phiên bản	Ngôn ngữ	Tài khoản Certiport	Ca thi	Phòng thi	Ghi chú mới
70	F	Đoàn Khánh	Ly	23	12	2006	031306012530	1	1			2	2019	TV	N	ca 2: 9h30 ca 3: 11h	203-B1	
71	M	Đào Đình	Lý	19	3	1987	030087006954	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	203-B1	
72	M	Bùi Quang	Minh	20	2	2005	031205005741	1	1			2	2019	TV	N	ca 2: 9h30 ca 3: 11h	203-B1	
73	M	Trần Chu Quang	Minh	3	6	2003	001203043688	1	1			2	2019	TV	N	17h (25/6 xem ca thi trên citad.vn)		Bổ sung
74	F	Nguyễn Thị Trà	My	23	6	2006	031306003844	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	203-B1	
75	M	Nguyễn Hoàng	Nam	4	12	2000	031200002176		1			1	2019	TV	Y	ca 1: 8h	202-B1	
76	F	Vũ Thị Thu	Ngân	8	1	2005	031305004415	1	1			2	2019	TV	N	ca 2: 9h30 ca 3: 11h	203-B1	
77	F	Bùi Thị Hồng	Ngọc	7	11	2006	031306010182	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	203-B1	
78	F	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	1	5	2003	031303006414	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	202-B1	
79	F	Lưu Thị	Nhài	2	6	2007	038307019904	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	203-B1	
80	F	Đặng Phương	Nhi	22	9	2005	036305006940	1	1			2	2019	TV	N	ca 2: 9h30 ca 3: 11h	203-B1	
81	M	Bùi Phương	Ninh	4	5	2003	031203007959	1	1			2	2019	TV	Y	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	202-B1	
82	M	Hoàng Trọng	Phong	6	6	2005	031205003991		1	1		2	2019	TV	Y	17h (25/6 xem ca thi trên citad.vn)		Bổ sung
83	M	Nguyễn Văn	Phúc	13	4	2004	031204013521	1	1			2	2019	TV	N	ca 2: 9h30 ca 3: 11h	203-B1	
84	F	Bùi Bích	Phương	20	7	2003	031303008294	1	1	1		3	365	TV	N	ca 1: 8h ca 2: 9h30 ca 3: 11h	202-B1	
85	F	Đỗ Thị Minh	Phương	22	12	2004	031304001977	1	1			2	2019	TV	N	ca 2: 9h30 ca 3: 11h	203-B1	
86	M	Lã Xuân	Phương	10	8	2002	031202004025	1	1			2	2019	TV	N	ca 2: 9h30 ca 3: 11h	202-B1	
87	F	Trần Thị	Phương	27	8	1989	035189000632	1				1	2019	TV	Y	ca 1: 8h	203-B1	
88	M	Mai Anh	Quân	26	11	2004	031204001985	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	202-B1	
89	M	Nguyễn Minh	Quân	19	1	2005	031205014786	1	1			2	2019	TV	N	ca 2: 9h30 ca 3: 11h	203-B1	
90	M	Nguyễn Văn	Quang	7	2	2002	031202006497	1				1	2019	TV	Y	ca 1: 8h	202-B1	
91	M	Nguyễn Ngọc	Quý	9	12	2005	022205010944	1	1			2	2019	TV	N	ca 2: 9h30 ca 3: 11h	203-B1	
92	F	Đỗ Nhi	Quỳnh	7	9	2003	231303000226	1	1	1		3	2019	TV	N	ca 1: 8h ca 2: 9h30 ca 3: 11h	202-B1	
93	M	Vũ Duy	Sĩ	7	8	1985	031085015880	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	203-B1	
94	M	Vũ Minh	Sơn	10	12	2004	031204008580	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	202-B1	
95	M	Bùi Thế	Tài	25	10	2008	031208012436	1	1	1		3	2019	TV	N	ca 1: 8h ca 2: 9h30 ca 3: 11h	202-B1	
96	M	Nguyễn Văn	Tám	27	9	2004	030204003569	1				1	2019	TV	Y	ca 1: 8h	203-B1	
97	M	Nguyễn Đức	Thắng	27	11	2003	031203002160	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	202-B1	
98	F	Đinh Thanh	Thảo	16	4	2003	031303005130	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	202-B1	
99	F	Phạm Thu	Thảo	3	6	2005	031305006280	1	1			2	2019	TV	N	ca 2: 9h30 ca 3: 11h	203-B1	
100	M	Lương Anh Hoàng	Thiên	29	7	2004	031204005085	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	202-B1	
101	F	Bùi Hải	Thìn	6	1	2005	031305001749	1	1			2	2019	TV	N	ca 2: 9h30 ca 3: 11h	203-B1	
102	F	Nguyễn Thị Hoài	Thu	22	4	2003	001303028424	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	203-B1	
103	F	Phạm Minh	Thư	9	1	2006	031306002694	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	203-B1	

STT	Gender	Họ đệm	Tên	Ngày sinh (Date)	Tháng sinh (Month)	Năm sinh (Year)	Số CCCD	Word	Excel	PP	AI	Total	Phiên bản	Ngôn ngữ	Tài khoản Certiport	Ca thi	Phòng thi	Ghi chú mới
104	F	Vũ Thị Trang	Thư	26	7	2006	031306004035	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	203-B1	
105	F	Trần Thanh	Thủy	16	1	2004	031304005478	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	203-B1	
106	M	Bùi Thế	Toàn	17	5	2002	031202007164	1	1			2	2019	TV	N	ca 2: 9h30 ca 3: 11h	202-B1	
107	M	Đào Văn	Toàn	16	9	2004	031204002180		1			1	2019	TV	Y	ca 1: 8h	203-B1	
108	M	Vũ Khánh	Toàn	25	3	2006	031206002276	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	203-B1	Hoãn thi
109	F	Đông Như	Trang	1	8	2002	031302009919	1	1			2	2019	TV	N	ca 2: 9h30 ca 3: 11h	202-B1	
110	F	Hoàng Thị Minh	Trang	14	8	2005	031305001786	1	1			2	2019	TV	N	ca 2: 9h30 ca 3: 11h	203-B1	
111	F	Phạm Thùy	Trang	31	7	2006	031306017091	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	203-B1	
112	F	Trịnh Thị Thu	Trang	14	6	2004	031304009758	1				1	2019	TV	Y	ca 4: 13h30	203-B1	
113	F	Trịnh Thị Thùy	Trang	14	6	2004	031304009760	1				1	2019	TV	Y	ca 4: 13h30	202-B1	
114	M	Nguyễn Minh	Trí	25	3	2004	031204008717	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	202-B1	
115	M	Hoàng Thành	Trung	23	10	2001	031201010360	1				1	2019	TV	Y	ca 1: 8h	203-B1	
116	M	Nguyễn Vinh	Trung	13	9	2004	031204015092	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	203-B1	
117	M	Trần Văn	Trung	17	11	2004	040204017098	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	202-B1	
118	M	Hà Quang	Trường	21	6	2003	031203010423	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	202-B1	
119	M	Trần Văn	Trường	9	9	2004	038204022163	1	1			2	2019	TV	Y	ca 2: 9h30 ca 3: 11h	202-B1	
120	M	Hồ Anh	Tú	25	2	2002	042202010403		1			1	2019	TA	N	ca 1: 8h	203-B1	
121	M	Nguyễn Duy	Tú	2	11	2004	031204001436	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	202-B1	
122	M	Nguyễn Minh	Tuân	14	8	2004	036204015530	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	202-B1	
123	M	Vũ Văn	Việt	22	4	2004	031204007920	1				1	2019	TV	Y	ca 1: 8h	203-B1	
124	M	Nguyễn Quang	Vinh	28	11	2004	031204009258	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	202-B1	
125	M	Phạm Văn	Vũ	1	4	2004	031204009968	1	1			2	2019	TV	N	ca 2: 9h30 ca 3: 11h	203-B1	
126	F	Lê Hải	Yến	3	11	2006	030846000352	1	1			2	2019	TV	N	ca 4: 13h30 ca 5: 15h	203-B1	
127	F	Trần Thị Hải	Yến	26	7	2007	031307002030		1			1	2019	TV	N	ca 1: 8h	203-B1	